VỀ QUAN HỆ DÂN TỘC VÙNG BIÊN GIỚI CỦA LÀO[1]

TS. Vương Ngọc Thi
Viện Dân tộc học
Email: vuongngocthi@gmail.com

Tóm tắt: *Bài viết tổng quan một số nghiên cứu quốc tế có thể tiếp cận được về quan hệ dân tộc vùng biên giới của nước Lào. Trên cơ sở trình bày khái quát về dân tộc và tình hình dân tộc vùng biên giới của Lào, bài viết đưa ra một số vấn đề đặc thù, nổi bật và cấp bách trong quan hệ dân tộc vùng biên của Lào theo nghiên cứu của các học giả quốc tế. Các phân tích này xoay quanh năm trục quan hệ chính là: quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc, quan hệ nội tộc người, quan hệ giữa các tộc người thiểu số, quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số, và quan hệ tộc người xuyên biên giới.*

Từ khóa: *Quan hệ dân tộc, vùng biên giới, Lào.*

Abstract: *The article reviews a number of accessible international studies on ethnic relations in Laos border regions. Based on the presentation of Laos' ethnic demography and ethnic situation in Laos border areas, the article presents some specific, outstanding, and urgent issues in ethnic relations in those regions according to international scholars' research. These analyses revolve around five main axes of ethnic relations: relations between ethnic groups and the nation-state, intra-ethnic relations, relations between minority groups, relations between minority groups and the majority group, and cross-border ethnic relations.*

Keywords: *Ethnic relations, border areas, Laos.*

Ngày nhận bài: 9/9/2023; ngày gửi phản biện: 11/9/2023; ngày duyệt đăng: 20/10/2023.

Mở đầu

Thông qua tổng quan các tài liệu quốc tế có thể tiếp cận được[2], nghiên cứu này tìm hiểu quan hệ dân tộc vùng biên giới của nước Lào trong thế kỷ XX và XXI, trong đó tập

[1] Bài viết là kết quả nghiên cứu của Đề tài khoa học cấp cơ sở "*Một số vấn đề về quan hệ dân tộc ở vùng biên giới của các nước láng giềng với Việt Nam*" do Viện Dân tộc học quản lý, TS. Vương Ngọc Thi làm Chủ nhiệm năm 2023.

[2] Do hạn chế về ngôn ngữ, tác giả chỉ tiếp cận các nội dung tài liệu được xuất bản bằng tiếng Anh. Các nghiên cứu được tìm kiếm bước đầu bằng cách lựa chọn từ khóa "*ethnic groups in Laos*" và "*inter - ethnic relations in Laos*" trên trang Google Scholar nhằm chọn lọc một số nghiên cứu có liên quan tới vấn đề quan hệ dân tộc vùng biên giới của Lào. Sau đó, tác giả dựa trên danh mục tài liệu tham khảo của các nghiên cứu này để tiếp tục xác định các nghiên cứu đã được xuất bản về chủ đề nói trên.

trung vào các vấn đề về quan hệ tộc người đương đại. Nghiên cứu có mục đích tìm hiểu thực trạng quan hệ dân tộc vùng biên giới của Lào, các vấn đề tồn tại và nguyên nhân để hiểu biết về tình hình trong khu vực.

Bài viết được chia làm hai nội dung chính. Phần thứ nhất trình bày khái quát về dân số, thành phần các dân tộc thiểu số (DTTS) tại Lào và tình hình dân tộc vùng biên giới của Lào. Phần thứ hai đưa ra một số vấn đề đặc thù, nổi bật và cấp bách trong quan hệ dân tộc vùng biên của Lào theo nghiên cứu của các học giả quốc tế. Năm trục quan hệ chính sẽ được thảo luận là quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc, quan hệ nội tộc người, quan hệ giữa các tộc người thiểu số, quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số, và quan hệ tộc người xuyên biên giới.

1. Khái quát chung về dân tộc và tình hình dân tộc vùng biên giới của Lào

Theo Tổng điều tra dân số và nhà ở của Lào năm 2015, dân số cả nước là 6.492.228 người. Trong đó, 99% số người sinh sống tại Lào là công dân Lào, 1% (45.000 người) còn lại bao gồm 19.000 người Việt Nam, 13.400 người Trung Quốc, 3.000 người Thái Lan, 3.000 người Campuchia, và công dân của một số quốc gia khác, chủ yếu là các nước Châu Á. Có 49 dân tộc được Nhà nước công nhận, trong đó dân tộc Lào chiếm hơn một nửa dân số (53%); các dân tộc chiếm hơn 1% dân số lần lượt là người Khơ mú (11%), người Hmông (9,2%), người Phouthay (3,4%), người Thái (3,1%), người Makong (2,5%), người Katang (2,2%), người Lue (2%) và người Akha (1,8%) (Lao Population and Housing Census, 2016, p. 37).

Sau khi giành được độc lập năm 1953, để tránh khỏi sự phân chia tộc người rườm rà và có tính "chia để trị" từ thời Pháp thuộc, Nhà nước Lào phân các tộc người tại Lào thành ba nhóm: Lào Lùm (người Lào vùng thấp), Lào Thơng (người Lào trung du), và Lào Sủng (người Lào vùng cao). Cách phân chia này khá thành công và mặc dù bị thay thế bởi phân loại theo ngữ hệ vào năm 2001, nó vẫn tiếp tục được sử dụng rộng rãi trong xã hội Lào. Trong khi đó, các nhà nghiên cứu phản đối cách phân chia này do cho rằng thiếu tính khoa học, từ đó tán đồng và áp dụng cách phân chia theo ngữ hệ. Theo đó, bốn nhóm dân tộc phân theo ngữ hệ là nhóm ngôn ngữ Môn – Khmer (hay Austro - Asiatic, chủ yếu là nhóm Lào Thơng), nhóm ngôn ngữ Thái - Kađai (trước đó là Lào Lùm), nhóm ngôn ngữ Hán - Tạng và nhóm ngôn ngữ Hmông - Miến (trước đó là nhóm Lào Sủng) (Grégoire, 2017, p. 253). Với nhóm Thái - Kađai (Tai - Kadai), theo phân loại của tài liệu Open Development Laos (2019), lại được ghi là Lào - Thái.

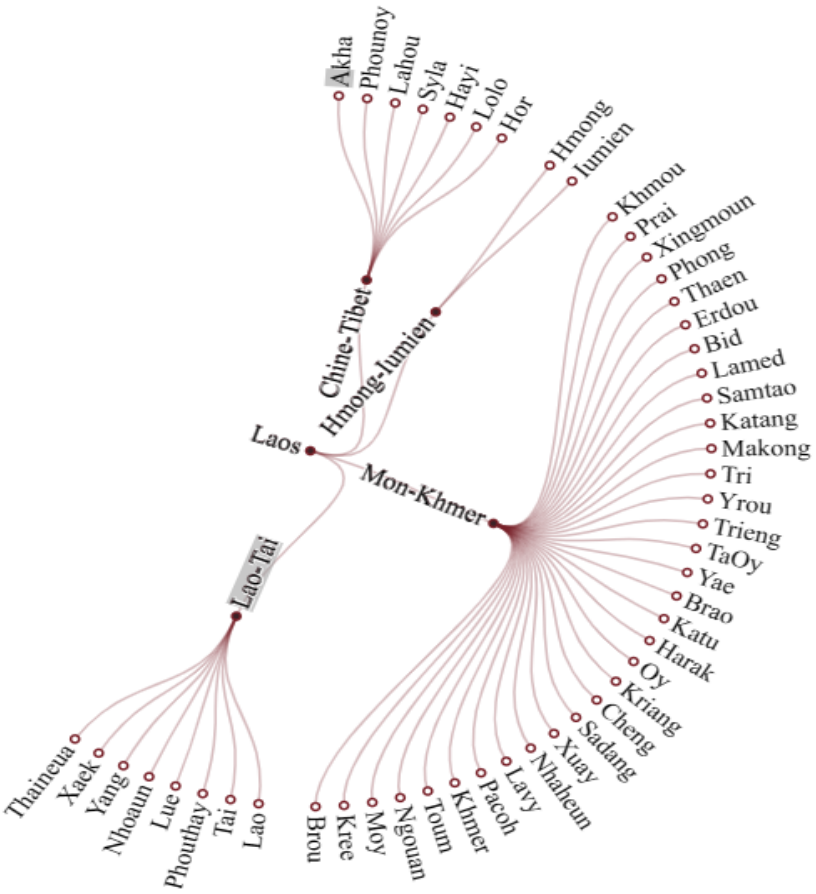

Biểu đồ 1: Các dân tộc theo nhóm ngôn ngữ tại Lào năm 2018
(Nguồn: Open Development Laos, 2019)

Nhóm Môn - Khmer là những cư dân đầu tiên đến Lào vào khoảng 3.000 năm trước, bao gồm các nhóm nhỏ như Katang, Makong, Xoay cư trú tại miền Nam và Trung Lào và người Khơ mú, Phong,… ở Bắc Lào. Một vài tộc người trong nhóm này do cư trú ở các vùng sâu, vùng xa nên còn bảo lưu được văn hóa tộc người, trong khi đa số các nhóm đã bị đồng hóa văn hóa sau một thời gian dài nằm dưới sự thống trị của người Lào. Nhóm Thái - Kađai chủ yếu cư trú ở khu vực đồng bằng và thung lũng, canh tác lúa nước, chiếm địa vị thống trị. Nhóm này được cho là đến từ Trung Quốc vào khoảng thiên niên kỷ thứ nhất, tạo ra các vương quốc nhỏ mà nay đã được sáp nhập vào Lào và chủ yếu theo Phật giáo. Nhóm Hán - Tạng và Hmông - Miến đến từ Trung Quốc chủ yếu vào khoảng nửa sau của thế kỷ XIX và định cư trên các rẻo núi cao, có đặc trưng dễ nhận thấy về trang phục, được cho là có tính độc lập và sự tự tôn cao (Grégoire, 2017, p. 253).

Trước và trong thời kỳ Pháp thuộc, các DTTS ở Lào chủ yếu cư trú tại khu vực biên giới. Tuy nhiên, sau giải phóng, chính sách dân tộc của nhà nước Lào cùng với nền kinh tế

thị trường và sự tác động của các quốc gia láng giềng đã dẫn đến những xáo trộn và biến động to lớn trong khu vực cư trú cũng như các mối quan hệ tộc người của các DTTS tại Lào. Phần tiếp theo của bài viết sẽ tập trung vào những vấn đề đặc thù, nổi bật và cấp bách trong quan hệ dân tộc ở vùng biên của Lào được phản ánh trong nghiên cứu của các học giả quốc tế. Do tất cả các tỉnh thành của Lào đều có đường biên giới với các nước láng giềng nên trong thực tế những nghiên cứu được thực hiện với người DTTS tại Lào đều có thể được coi là nghiên cứu ở vùng biên.

Bản đồ 1: Cư trú của các dân tộc theo nhóm ngôn ngữ ở Lào

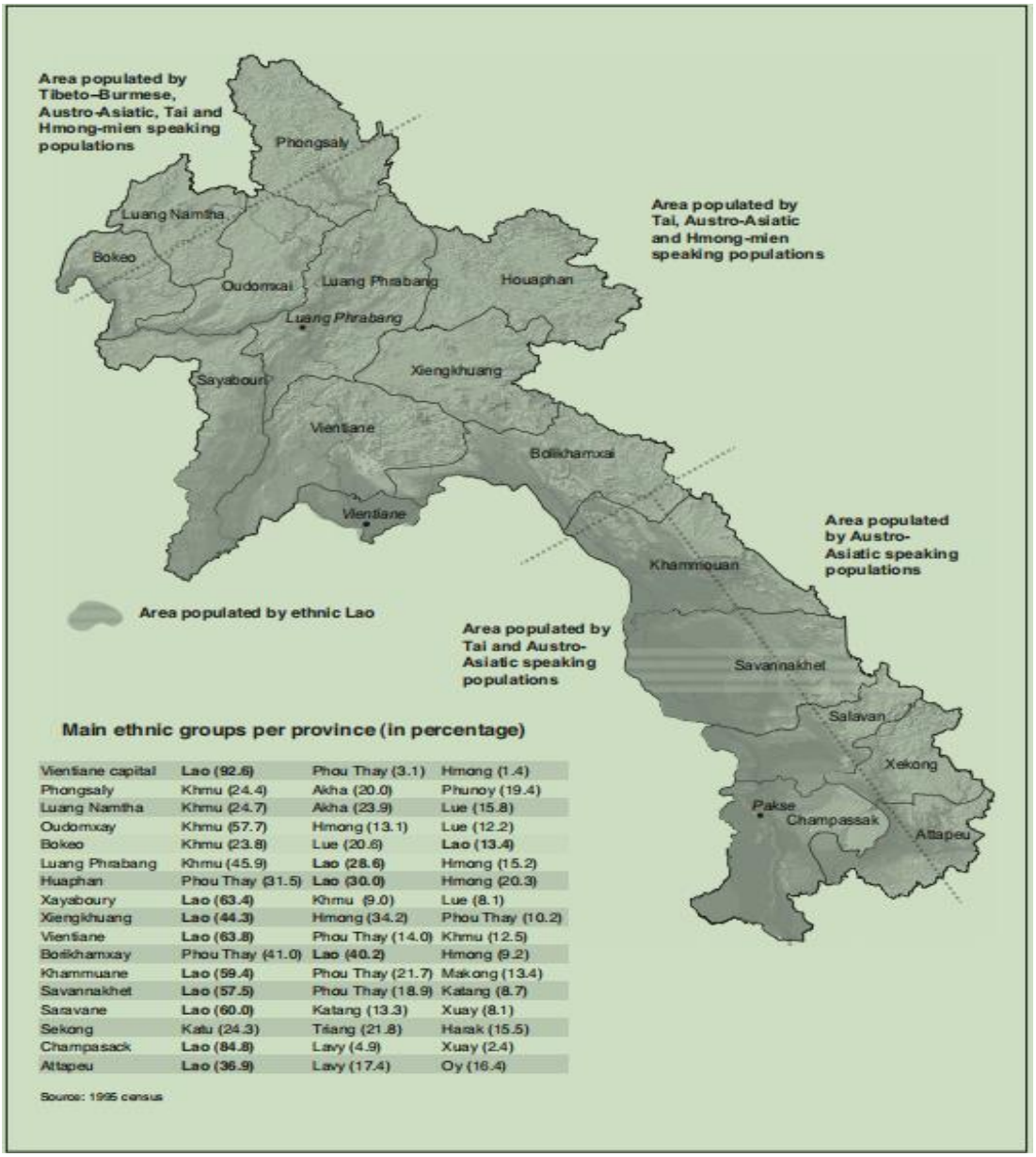

Main ethnic groups per province (in percentage)

Vientiane capital	Lao (92.6)	Phou Thay (3.1)	Hmong (1.4)
Phongsaly	Khmu (24.4)	Akha (20.0)	Phunoy (19.4)
Luang Namtha	Khmu (24.7)	Akha (23.9)	Lue (15.8)
Oudomxay	Khmu (57.7)	Hmong (13.1)	Lue (12.2)
Bokeo	Khmu (23.8)	Lue (20.6)	Lao (13.4)
Luang Phrabang	Khmu (45.9)	Lao (28.6)	Hmong (15.2)
Huaphan	Phou Thay (31.5)	Lao (30.0)	Hmong (20.3)
Xaysboury	Lao (63.4)	Khmu (9.0)	Lue (8.1)
Xiengkhuang	Lao (44.3)	Hmong (34.2)	Phou Thay (10.2)
Vientiane	Lao (63.8)	Phou Thay (14.0)	Khmu (12.5)
Borikhamxay	Phou Thay (41.0)	Lao (40.2)	Hmong (9.2)
Khammuane	Lao (59.4)	Phou Thay (21.7)	Makong (13.4)
Savannakhet	Lao (57.5)	Phou Thay (18.9)	Katang (8.7)
Saravane	Lao (60.0)	Katang (13.3)	Xuay (8.1)
Sekong	Katu (24.3)	Triang (21.8)	Harak (15.5)
Champasack	Lao (84.8)	Lavy (4.9)	Xuay (2.4)
Attapeu	Lao (36.9)	Lavy (17.4)	Oy (16.4)

Source: 1995 census

Nguồn: Grégoire, 2017, p. 254.

2. Quan hệ dân tộc vùng biên giới của Lào

Trong phần này, quan hệ dân tộc vùng biên giới của Lào sẽ được trình bày xoay quanh 5 trục quan hệ chính là: quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc, quan hệ nội tộc người, quan hệ giữa các tộc người thiểu số, quan hệ giữa tộc người thiểu số với tộc người đa số, và quan hệ tộc người xuyên biên giới.

2.1. Mối quan hệ giữa tộc người với quốc gia - dân tộc

Kết quả tổng quan cho thấy, các chính sách dân tộc về kinh tế, văn hóa, chính trị mà Nhà nước CHDCND Lào thực hiện trong vài thập kỷ trở lại đây có tác động to lớn mang tính quyết định đến mối quan hệ giữa các tộc người với Nhà nước và các quan hệ tộc người khác. Từ năm 1975, chính phủ Lào bắt đầu di chuyển người DTTS khỏi các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa. Có năm lý do chính được đưa ra cho việc tái định cư này là xóa bỏ cây thuốc phiện, quan ngại về an ninh vùng biên, sự tiếp cận và cung cấp các dịch vụ của Nhà nước, hội nhập văn hóa và xây dựng quốc gia, và giảm du canh (Baird và Shoemaker, 2007). Theo Dự án phát triển nông nghiệp vùng cao của Lào (Lao Upland Agriculture Development Project, 1990, pp. 8-9, dẫn theo Evrard và Goudineau, 2004, p. 938), dự kiến đến năm 2000 sẽ tái định cư cho 60% trong số 1,5 triệu dân canh tác du canh - chiếm khoảng ¼ dân số nước Lào vào thời điểm đó. Các nghiên cứu cuối thập niên 90 của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI cho thấy, tái định cư ở Lào đã có những tác động tiêu cực đến hệ thống xã hội, sinh kế và văn hóa của nhiều tộc người thiểu số. Mặc dù sang đến đầu thế kỷ XXI quá trình này đã diễn ra chậm hơn, tuy nhiên việc thực hiện tái định cư ở tất cả các tỉnh thành trên cả nước đã dẫn đến sự tái cấu trúc của xã hội vùng cao Lào trong một khoảng thời gian ngắn (Baird và Shoemaker, 2007). Những người tái định cư được đưa đến các khu vực đồng bằng đông đúc; nguồn tài nguyên hạn chế nơi đây khiến họ tiếp tục lựa chọn phương thức canh tác du canh với thời gian cho đất phục hồi bị rút ngắn lại, đồng thời sự đứt gãy các mối quan hệ xã hội và kinh tế đã tạo ra một tầng lớp nghèo mới trong xã hội (Friederichsen và Neef, 2010). Tái định cư nhằm mục đích ổn định và kiểm soát dân cư, nhưng trong thực tế lại dẫn đến những luồng di cư mới của người DTTS khi điều kiện sống ở nơi định cư mới không đáp ứng được các nhu cầu sống của họ (Evrard và Goudineau, 2004).

Khi quá trình tái định cư diễn ra chậm hơn, đồng thời cũng là lúc chính phủ Lào mở cửa cho đầu tư của quốc tế, chủ yếu là của các nước láng giềng Việt Nam, Trung Quốc và Thái Lan, với những hạng mục đầu tư chính là các đồn điền cao su, đặc khu kinh tế và nhà máy thủy điện, tập trung chủ yếu ở khu vực biên giới của Lào với các quốc gia này. Tính đến thập kỷ thứ hai của thế kỷ XXI, chính phủ Lào đã cho thuê hơn một triệu ha đất, chiếm 5% diện tích đất quốc gia, ảnh hưởng lớn đến nguồn đất cộng đồng và rừng của các cộng đồng dân cư mà chủ yếu là các tộc người thiểu số (Kenney - Lazar, 2018, p. 1). Việc cho thuê đất cho các đặc khu và đồn điền cao su nằm trong chiến lược tạo nguồn thu từ đất của chính phủ Lào. Việc di dân các DTTS xuống đồng bằng, đồng thời nhấn mạnh tính hiệu quả của canh tác lúa nước và xóa bỏ du canh đã khiến cho đất đai của người DTTS ở trung du và miền núi bị phân loại thành đất bỏ hoang hoặc có hiệu quả kinh tế thấp kém, dẫn tới Nhà nước cho

thuê các loại đất này. Thập niên đầu thế kỷ XXI, các công ty cao su của Việt Nam và Trung Quốc, dưới sự đồng ý của chính phủ Lào, đã ký hợp đồng thuê đất ở các tỉnh miền Bắc và miền Nam Lào với diện tích lớn. Các cộng đồng DTTS ở đây hoặc bị lấy đất mà không được đền bù, hoặc chỉ được đền bù với mức giá không đáng kể so với các thiệt hại của họ và không đủ để chuyển đổi sinh kế. Mất đất, mất rừng khiến một bộ phận lớn các tộc người thiểu số phải thay đổi hoàn toàn lối sống của mình, trở thành người làm thuê trong các đồn điền cao su hay cây công nghiệp khác hoặc phải di cư để tìm sinh kế mới (Baird, 2010a).

Các ngân hàng đa phương và tổ chức phi chính phủ cũng đóng góp vào quá trình tái định cư và công nghiệp hóa này. Tuy nhiên, cũng chính các tổ chức này đã phổ biến cho người DTTS về quyền của họ trong việc từ chối giao đất, giao rừng hay thương lượng để nhận được một mức đền bù hợp lý hơn. Qua thời gian, người dân cũng dần nhận thức được và trở nên chủ động hơn trong việc đòi hỏi các quyền lợi hợp pháp của mình (Kenney - Lazar, 2018, p. 8). Nhờ những điều khoản trong luật của Lào về bảo vệ quyền của người dân, sự gia tăng hiểu biết về pháp lý và sự đồng thuận trong các cộng đồng mà đã có những trường hợp người dân thành công trong việc nhận được mức đền bù hợp lý hoặc thậm chí từ chối việc giao đất (Baird và Shoemaker, 2007; Evrard và Goudineau, 2004). Tuy nhiên, trong đa số các trường hợp, người dân phản ánh rằng chính quyền địa phương đã sử dụng các biện pháp để đối phó với những người chống đối, và do đó hoặc là họ phải đồng thuận hoặc chỉ dám phản ứng ngầm (Kenney - Lazar, 2018, tr. 7; Lestrelin, 2011, p. 316).

Các học giả quốc tế có góc nhìn khác nhau về sự xuất hiện của các đồn điền cao su hay các đặc khu kinh tế với vốn đầu tư nước ngoài tại vùng biên giới của Lào. Trong khi có nhận định rằng đây là bằng chứng về sự yếu kém trong quản lý của Nhà nước Lào (Baird và Shoemaker, 2007; Friederichsen và Neef, 2010), có tác giả lại cho rằng đây là sự thành công của chính phủ Lào - chính phủ của một đất nước nằm trong vòng ảnh hưởng của các cường quốc trong khu vực - nhằm tận dụng nguồn lực của các quốc gia khác cho công cuộc hiện đại hóa và hội nhập người DTTS vào nền kinh tế thị trường tại vùng biên giới, nơi nguồn lực hạn chế của Chính phủ khó đáp ứng được các hoạt động và mục đích nói trên (Tan, 2012, p. 86).

Về văn hóa, chính phủ Lào có chính sách hội nhập văn hóa đối với người DTTS, đề cao văn hóa lúa nước và Phật giáo của người Lào. Dưới tác động của hội nhập quốc tế và tiềm năng kinh tế của du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng, các giá trị văn hóa của người DTTS được đề cao, khiến họ cảm thấy được tôn trọng. Các dân tộc được công nhận là bình đẳng với nhau, các hành vi có tính xúc phạm, gây mâu thuẫn giữa các dân tộc là điều không được chấp nhận trong đời sống văn hóa và chính trị hằng ngày (Grégoire, 2017, pp. 271-272).

Dưới các chính sách về kinh tế, văn hóa, chính trị như vậy, sự phản ứng của các DTTS tại Lào được cho là không đáng kể. Lào được nhìn nhận là một nước tương đối yên bình và không tồn tại những mâu thuẫn sâu sắc giữa tộc người với quốc gia - dân tộc (Grégoire, 2017, p. 272). Trường hợp ngoại lệ phải kể đến dân tộc Hmông, một dân tộc được cho là có những đặc trưng về văn hóa, đồng thời phải chịu các định kiến. Ở Lào có ý kiến cho rằng, người Hmông gắn với phong trào bạo loạn đòi ly khai, có lối sống tàn phá thiên nhiên và

không thân thiện với các tộc người khác. Định kiến này khiến cho người Hmông sinh sống tại Bắc và Trung Lào khó di cư đến Nam Lào. Các nhóm nhỏ người Hmông di cư về các tỉnh phía Nam như Khammouane và Attapeu bị gửi trả lại, hoặc bị các cộng đồng địa phương phân biệt đối xử. Trường hợp ngoại lệ chỉ xảy ra với nhóm phụ nữ Hmông lớn tuổi làm buôn bán nhỏ, những người kết hôn khác tộc, hay các công nhân theo thời vụ, vốn được cho là không có ý định định cư lâu dài tại địa phương nơi họ đến (Baird, 2010b). Bên cạnh đó, chính phong trào ly khai của một nhóm nhỏ người Hmông tại Lào cũng góp phần gây nên những định kiến này. Là tộc người di cư đến Lào vào nửa sau thế kỷ XIX, một bộ phận của người Hmông Lào, dưới ảnh hưởng của nhóm Hmông Lào tị nạn sau chiến tranh tại Mỹ cho rằng họ thuộc nhóm dân tộc bản địa ở Lào. Thuật ngữ dân tộc bản địa được họ diễn dịch là một nhóm đã chịu sự thống trị của các nhà nước Trung Quốc, Lào và Thái Lan trong lịch sử. Nhóm Hmông Mỹ này đã ủng hộ một nhóm nhỏ người Hmông Lào đòi ly khai tự trị, yêu cầu lập khu tự trị riêng biệt của người Hmông trải dài khắp miền Bắc và Trung Lào; tuy nhiên tầm ảnh hưởng của nhóm này tại Lào không đáng kể (Baird, 2015, p. 61).

2.2. Quan hệ nội tộc người

Các chính sách dân tộc nói trên của Lào đã có những ảnh hưởng mạnh mẽ đến mối quan hệ nội tộc người của các DTTS vùng biên giới Lào. Tái định cư tạo ra sự phân ly xã hội giữa nhóm di cư và nhóm ở lại. Sự bất đồng ý kiến giữa các thế hệ cũng xảy ra: người trẻ thường hào hứng tiếp nhận các lựa chọn về tái định cư, trong khi người già vốn có những mối dây liên hệ sâu sắc hơn với nơi cư trú và cộng đồng nên thường lưỡng lự khi di cư. Trong quá trình thương thuyết, nếu không tìm được tiếng nói chung giữa những người có địa vị cao trong cộng đồng thì ngôi làng có thể bị chia thành nhiều nhóm hoặc các dòng họ khác nhau và từ đó đi theo những lộ trình khác nhau (Evrard và Goudineau, 2004, pp. 947-948).

Sự thay đổi về lối sống và tiếp cận với nền kinh tế thị trường cũng tạo ra những biến đổi về vai trò giới trong cộng đồng. Người phụ nữ DTTS đã vượt khỏi những lằn ranh truyền thống xưa cũ để chủ động tìm kiếm công việc và tăng thêm nguồn thu nhập của bản thân và gia đình, cũng như tham gia vào mạng lưới di cư và mở rộng hiểu biết về xã hội bên ngoài. Điều này có thể mang lại những biến đổi tích cực như việc người phụ nữ Akha chủ động bán hàng và đi tour cùng khách du lịch bên ngoài phạm vi hoạt động của các tour du lịch được tổ chức tại làng, từ đó vượt ra khỏi sự hạn chế của mô hình du lịch cộng đồng vốn yêu cầu người phụ nữ lập lại vai trò chịu phụ thuộc của họ trong xã hội truyền thống (Flacke-Neudorfer, 2007).

Tuy nhiên, những biến đổi này cũng mang cả những yếu tố tiêu cực như trường hợp phụ nữ người Khơ mú bán dâm tại các quán rượu nhỏ đang được mở hàng loạt tại Lào. Các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông ở khu vực biên giới, ví dụ như dự án đường cao tốc Số 3 chạy xuyên qua Lào, nối liền con đường vận chuyển hàng hóa giữa Trung Quốc và Thái Lan, đã mang lại hoạt động kinh tế sôi động hơn, đặc biệt là ở những tỉnh biên giới nghèo nhất nước Lào như Luang Namtha và Bokeo. Khó khăn trong đời sống ở các vùng nông thôn, nhất là những khu vực chịu ảnh hưởng của việc tái định cư và giao đất giao rừng,

cũng như khao khát được hưởng thụ đời sống vật chất cao hơn do nền kinh tế thị trường đem lại đã khiến một bộ phận lớn phụ nữ Khơ mú khu vực nông thôn Bắc Lào lựa chọn việc rời làng để hành nghề mại dâm - một loại hình dịch vụ có thu nhập tương đối cao so với các nghề lao động chân tay khác (Lyttleton và Vorabouth, 2011).

Những đặc trưng về tộc người đã góp phần khiến số phụ nữ Khơ mú hành nghề mại dâm nhiều hơn đáng kể so với các dân tộc khác. Cụ thể là văn hóa của người Khơ mú cho phép quan hệ tình dục trước hôn nhân, miễn là những quan hệ này xảy ra bên ngoài ngôi nhà cô gái đang cư ngụ. Trong trường hợp quan hệ xảy ra trong nhà và bị gia đình cô gái bắt gặp thì người con trai sẽ phải nộp tiền phạt do hành vi này được cho là một sự xúc phạm đối với tổ tiên, ma nhà. Do đó, việc tham gia vào hoạt động mại dâm ở những nơi xa gia đình ít khi khiến người phụ nữ Khơ mú có cảm giác mình đang đi ngược lại với văn hóa tộc người. Khác với nam giới thường tiêu pha hết số tiền kiếm được khi đi làm ăn xa, phụ nữ người Khơ mú thường gửi một phần tiền về cho gia đình, sự đóng góp này khiến địa vị của họ trong gia đình được nâng lên. Những người phụ nữ này không gặp phải sự kỳ thị từ cộng đồng và gia đình và có thể dễ dàng lập gia đình khi quay trở lại quê nhà. Bên cạnh đó, trong lịch sử, người Khơ mú vốn cư trú gần gũi và có nhiều mối quan hệ gắn bó lâu dài với người Lào ở đồng bằng so với các tộc người khác tại Lào. Điều này khiến họ dễ hội nhập vào xã hội Lào vùng đô thị, và trở thành tầng lớp lao động phổ thông. Cũng trong trường hợp người Khơ mú, nhu cầu liên tục về "nguồn cung" mới đã khiến một số phụ nữ của tộc người này tham gia vào đường dây buôn bán phụ nữ, móc nối và ép phụ nữ cùng tộc bán dâm (Lyttleton và Vorabouth, 2011).

Mạng lưới xã hội của tộc người cũng mang lại những tác động tích cực trong đời sống tộc người, như trường hợp canh tác các đồn điền cao su quy mô nhỏ ở người Hmông. Cây cao su dần được trồng và thu hoạch nhiều tại Lào từ giữa những năm 1990. Cho tới giữa những năm 2000, quy mô trồng cao su trở nên rộng lớn với hàng nghìn ha đất rừng và đất canh tác du canh bị chuyển đổi thành đồn điền cao su. Người Hmông được cho là dân tộc thành công nhất trong việc canh tác cây cao su tại Lào, một phần nhờ vào mạng lưới tộc người xuyên quốc gia (sẽ được trình bày trong mục sau) và trong nước của họ. Canh tác đồn điền cao su quy mô nhỏ ở Lào được bắt đầu từ giữa những năm 1990 tại làng người Hmông Hat Nyao ở huyện biên giới Namtha. Trồng cây cao su yêu cầu một lượng lớn lao động chân tay, đồng thời phải có chiến lược sinh kế để đảm bảo vượt qua khoảng thời gian 6 năm từ khi trồng cây đến lúc bắt đầu thu hoạch mà chưa có thu nhập từ cây này. Do điều kiện khó khăn về vốn, người nông dân Nam Lào thường không canh tác được cây cao su. Tuy nhiên, thông qua mạng lưới thông gia, dòng họ trong nước mà người Hmông ở Hat Nyao và một số khu vực khác tại Bắc Lào đã liên kết và giúp đỡ nhau về nhân công, vốn và công nghệ để đi tới thành công (Baird và Vue, 2017).

2.3. Quan hệ tộc người xuyên biên giới

Quan hệ tộc người xuyên biên giới được cho là mang lại lợi ích cho người DTTS vùng biên giới tại Lào. Trong trường hợp người Hmông tại khu vực biên giới miền Bắc Lào, quan

hệ tộc người xuyên biên giới đóng vai trò quan trọng trong việc họ lựa chọn và thành công khi trồng cây cao su. Một trong những nhóm người Hmông đầu tiên ở Lào trồng cao su là nhóm Hmông tị nạn tại Trung Quốc quay trở về Lào vào những năm 1994. Do đã làm việc trong các đồn điền cao su ở Trung Quốc và quen với kỹ thuật trồng cao su từ trước, nhóm người này từ chối đề nghị của chính phủ Lào và Ủy ban Liên Hiệp Quốc cho họ định cư tại Luang Phrabang và tự lựa chọn làng Hat Nyao do có vị trí gần với biên giới Trung Quốc. Từ đây, họ thuyết phục những người Hmông cùng làng trồng cây cao su, cũng như dẫn đoàn sang tham quan đồn điền cao su tại Trung Quốc. Do e ngại nguồn gốc dân tị nạn quay về từ Trung Quốc của mình sẽ ảnh hưởng đến sự đầu tư từ phía Nhà nước Lào, mối quan hệ xuyên biên giới này ít được người Hmông nhắc đến; tuy nhiên họ vẫn tiếp tục nhận được sự hỗ trợ về kỹ thuật từ bên kia biên giới[3] (Baird và Vue, 2017). Người tị nạn Akha và Tai Lue quay trở về từ Trung Quốc cũng có các trải nghiệm sử dụng các mối quan hệ xuyên biên giới trong việc trồng cao su giống như người Hmông (Sturgeon và các cộng sự, 21013, dẫn trong Baird và Vue, 2017, p. 12).

Bên cạnh các quan hệ kinh tế xuyên biên giới, các DTTS cũng duy trì mối quan hệ hôn nhân xuyên biên giới. Ví dụ như trường hợp phụ nữ người Thái Lào ở vùng biên giới giáp với Vân Nam, Trung Quốc vẫn lấy chồng người Thái Trung Quốc cư trú trong các làng dọc theo biên giới. Sự giám sát lỏng lẻo và các ưu tiên cho người dân cư trú tại vùng biên đã tạo điều kiện cho họ dễ dàng sang thăm thân, mở rộng các mối quan hệ làm ăn và kết giao bạn bè. Khi lấy chồng người Thái Trung Quốc, các cô gái Thái Lào hầu hết sang định cư bên nhà chồng. Mặc dù họ ít khi đăng ký kết hôn theo các thủ tục pháp lý của Trung Quốc, nhưng về mặt xã hội họ vẫn được công nhận tại nơi cư trú của chồng và được hưởng các quyền lợi chia đất như mọi người dân khác trong làng (Chi-Young và Chang, 2017).

2.4. Quan hệ giữa các tộc người thiểu số

Các nghiên cứu cho thấy, chính sách tái định cư người DTTS xuống vùng đồng bằng của chính phủ Lào đã tạo ra mâu thuẫn giữa cộng đồng tái định cư và cộng đồng hồi cư. Trường hợp người Thái và Khơ mú tại các huyện biên giới Muong Sing và Muong Namtha, tỉnh Luang Namtha là một ví dụ. Năm 1952, khi quân giải phóng Lào tiến vào địa phương, rất nhiều người Thái tại đây đã đi tị nạn chiến tranh tại Hyey Say, Thái Lan. Từ đầu những năm 1970, đất đai và nhà cửa họ để lại đã được chính quyền giao cho người Khơ mú và một bộ phận nhỏ người Akha từ phía đông nam của tỉnh đến tái định cư, như là tri ân cho sự tham gia và ủng hộ của các tộc người này trong chiến tranh, đồng thời tạo đà cho chương trình tập thể hóa tại khu vực đồng bằng. Khi người Thái được chính phủ cho phép quay trở lại, họ cũng đồng thời đòi lại đất đai thuộc quyền sở hữu trước đó. Trước những tranh chấp liên tục giữa các tộc người trong khoảng thời gian vài năm, chính quyền địa phương đã đi

[3] Nguồn tiền cho người Hmông gây dựng các đồn điền cao su và duy trì cuộc sống trong thời kỳ chưa thu hoạch mủ phần lớn đến từ người thân, họ hàng di cư sang Mỹ, các nước Châu Âu và phần nào từ người thân, gia đình trong nước. Tuy nhiên, do nghiên cứu tập trung vào vùng biên giới và các quan hệ tộc người xuyên biên giới nên các nghiên cứu về mối quan hệ xuyên quốc gia sẽ không được tổng quan tại đây.

đến quyết định trả lại đất cho người Thái và cấp cho người Khơ mú và người Akha những khu đất khác ở ngoài rìa địa phương (Evrard và Goudineau, 2004, pp. 953-954).

Bên cạnh đó, cũng xảy ra những xung đột, tranh giành giữa các nhóm tái định cư và các nhóm tại chỗ về quyền tiếp cận với nguồn lực, đất đai. Những tộc người có tiềm lực kinh tế và mối quan hệ chính trị tại địa phương tốt hơn sẽ có điều kiện sống tốt hơn và mức sống cao hơn, trong khi các nhóm còn lại thường trở thành đối tượng làm thuê cho các dân tộc khác (Baird, 2010a; Lestrelin, 2011). Một số tộc người có văn hóa tương đối giống với người Lào như người Khơ mú có thể đóng vai trò trung gian giữa các tộc người thiểu số với nhà nước (Évrard, 2019)[4].

2.5. Quan hệ giữa tộc người thiểu số và tộc người đa số

Trong lịch sử của Lào cho đến trước thời kỳ Pháp thuộc, người Thái là tộc người chủ chốt ở các khu vực thung lũng, đồng bằng và cai trị các tộc người thiểu số cư trú trên vùng trung du và núi cao (Évrard, 2019). Người Lào di cư đến sau; sự tiếp xúc của họ với các DTTS trong thời kỳ trước giải phóng chủ yếu diễn ra trong các hoạt động trao đổi, mua bán với người Lào có vai trò buôn bán trên miền núi (Évrard, 2019, p. 8). Sự phân biệt đối xử của người Lào và người Thái đối với người DTTS được thể hiện qua cách gọi chung các DTTS miền núi là Kha (nô lệ). Đến nay, các ảnh hưởng của họ đến người DTTS thường được ghi nhận cùng với những chính sách hội nhập văn hóa của nhà nước Lào, vốn đề cao văn hóa lúa nước và Phật giáo của người Lào (Grégoire, 2017). Người Lào chủ yếu sinh sống tại thành thị, do đó khá ít các nghiên cứu tập trung vào mối quan hệ hàng ngày giữa các DTTS và người Lào ở vùng biên giới. Khi đề cập đến mối quan hệ giữa dân tộc đa số và DTTS tại Lào, các nhà nghiên cứu thường nêu sự phân biệt đối xử của người Lào với người DTTS và coi đó là một nét chung (Évrard, 2019; Grégoire, 2017; Pholsena, 2020, pp. 8-10). Tuy nhiên, sự phân biệt này ở mức độ nào và được thể hiện như thế nào thì chưa có nhiều nghiên cứu cụ thể và do đó cần có thêm sự quan tâm.

Kết luận

Các nghiên cứu về quan hệ dân tộc của Lào nói chung và ở khu vực vùng biên giới nói riêng cho đến nay vẫn chủ yếu tập trung vào mối quan hệ giữa các DTTS và Nhà nước (Lutz, 2022). Qua đó cho thấy, chính sách dân tộc của Lào trong hai thập kỷ cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI đã có những ảnh hưởng lớn đến người DTTS khu vực biên giới. Người DTTS di cư xuống không gian đồng bằng và thành thị vốn khác biệt với những thiết chế văn hóa và sinh kế lâu đời của họ (Evrard và Goudineau, 2004). Đầu thế kỷ XXI, những dự án lớn với các đối tác nước ngoài dẫn đến việc thu hồi đất ở khu vực biên giới, tiếp tục ảnh hưởng đến bộ phận

[4] Nghiên cứu cho thấy, việc sống trong một môi trường đa tộc người ở các khu vực thành thị, chủ yếu xảy ra do chính sách tái định cư của Lào, cũng tạo ra những thay đổi trong các mối quan hệ xã hội giữa các DTTS. Họ có thể nhìn nhận nhau như là thuộc về cùng một nhóm người trong sự khác biệt với người Lào, do có những trải nghiệm tương đồng về môi trường học tập, làm việc (lớp trẻ) và bối cảnh xã hội (cùng tham gia chiến đấu trong cuộc chiến giải phóng Lào - lớp trung niên) (Pholsena, 2020). Không rõ điều này có xảy ra với người DTTS tại các khu vực biên giới và nông thôn hay không.

người DTTS còn lại cư trú tại các khu vực biên giới, nông thôn (Baird, 2010a). Chính sách hội nhập văn hóa và sự xâm nhập của nền kinh tế thị trường tạo nên nhu cầu nâng cao điều kiện sống trong cộng đồng các DTTS, dẫn tới làn sóng di cư đô thị và xuyên biên giới để theo đuổi các giá trị vật chất. Tất cả những chính sách này đã tác động sâu sắc đến quan hệ nội tộc người, đồng thời thay đổi các mối quan hệ giữa các tộc người trong nước và xuyên biên giới. Những ảnh hưởng tiêu cực đã nêu có thể kéo dài qua hàng thế hệ.

Tuy nhiên, có thể thấy chính sách dân tộc của Lào cho đến nay không tạo ra những sự chia rẽ quá sâu sắc giữa các dân tộc, cũng như sự phản ứng mạnh mẽ của các tộc người đối với Nhà nước. Điều này có thể là do chính sách tái định cư đã làm cho các tộc người vốn có dân số ít và cư trú không quá mật tập tại các vùng biên giới giảm đi sự cố kết nội tộc người và tạo ra những không gian đa tộc người tại các khu vực thành thị. Đồng thời, sự có mặt của số lượng lớn những người thuộc các nước láng giềng tại khu vực biên giới của Lào, với địa vị và khả năng kinh tế thường cao hơn so với người Lào, có thể đã dịch chuyển sự chú ý của các DTTS và khiến họ không quá tập trung vào sự khác biệt về mức sống giữa họ và người dân tộc Lào.

Tài liệu tham khảo

1. Baird, Ian (2010a), "Land, Rubber and People: Rapid Agrarian Changes and Responses in Southern Laos", *Journal of Lao Studies*, 1, pp. 1-47.

2. Baird, Ian (2010b), "The Hmong Come to Southern Laos: Local Responses and the Creation of Racialized Boundaries", *Hmong Studies Journal*, 11, pp. 1-38.

3. Baird, Ian G. (2015), "Translocal assemblages and the circulation of the concept of "indigenous peoples" in Laos", *Political Geography*, 46, pp. 54-64.

4. Baird, Ian G. and Shoemaker, Bruce (2007), "Unsettling Experiences: Internal Resettlement and International Aid Agencies in Laos", *Development and Change*, 38 (5), pp. 865-888.

5. Baird, I. G. and Vue, Pao (2017), "The Ties that Bind: The Role of Hmong Social Networks in Developing Small-scale Rubber Cultivation in Laos", *Mobilities*, 12 (1), pp. 136-154.

6. Chi-Young, Ahn and Chang, Jung-a (2017), "Cross-border Trade and Marriage: Case Study of a Chinese Yunnan Minority Village", 중앙사론, 46, pp. 625-655.

7. Évrard, Olivier (2019), "From Tai-isation to Lao-isation: Ethnic changes in the longue durée in Northern Laos", *The Australian Journal of Anthropology*, 30 (2), pp. 228-242.

8. Évrard, Olivier and Goudineau, Yves (2004), "Planned Resettlement, Unexpected Migrations and Cultural Trauma in Laos", *Development and Change*, 35(5), pp. 937-962.

9. Flacke-Neudorfer, Corinne (2007), "Tourism, Gender and Development in the Third World: A Case Study from Northern Laos", *Tourism and Hospitality Planning & Development*, 4 (2), pp. 135-147.

10. Friederichsen, Rupert and Neef, Andreas (2010), "Variations of Late Socialist Development: Integration and Marginalization in the Northern Uplands of Vietnam and Laos", *The European Journal of Development Research*, *22* (4), pp. 564-581.

11. Grégoire, Shlemmer (2017), "Ethnic Belonging in Laos: A Politico-Historical Perspective", in: *Changing lives. New perspectives on society, politics, and culture in a Post-Socialist State*, Bouté V. & Pholsena V. (eds), NUS Press.

12. Kenney-Lazar, Miles (2018), "Governing Dispossession: Relational Land Grabbing in Laos", *Annals of the American Association of Geographers*, 108 (3), pp. 679-694.

13. Lao Population and Housing Census (2016), *Results of population and housing census.*

14. Lestrelin, Guillaume (2011), "Rethinking state–ethnic minority relations in Laos: Internal resettlement, land reform and counter-territorialization", *Political Geography*, 30 (6), pp. 311-319.

15. Lutz, Paul David (2022), "We used to have lice … " interethnic imagery in post-war upland Laos", *Critical Asian Studies*, 54(2), pp. 171-197.

16. Lyttleton, Chris and Vorabouth, Sisouvanh (2011), "Trade circles: aspirations and ethnicity in commercial sex in Laos", *Culture, Health & Sexuality*, 13 (sup2), pp. 263-277.

17. Open Development Laos (2019), *Ethnic minorities and indigenous people*, trên trang Ethnic minorities and indigenous people - Open Development Laos (opendevelopmentmekong.net), (Truy cập ngày 15/6/2023).

18. Pholsena, Vatthana (2020), "Mobility, familiarity and prejudice: living together in a multiethnic town in southern Laos", *Ethnic and Racial Studies*, 43 (10), pp. 1872-1889.

19. Tan, Danielle (2012), "Small is Beautiful": Lessons from Laos for the Study of Chinese Overseas", *Journal of Current Chinese Affairs*, 41 (2), pp. 61-94.